

**TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG  
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Số: 1157 /TB-CQLTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 12 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

*Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;*

*Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-CQLTT ngày 30/12/2022 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.*

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp xin thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

**1. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá:**

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, Địa chỉ: Số 60, Đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**2. Tên tài sản bán đấu giá:** Tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu, gồm 03 lô hàng, cụ thể: (bảng kê đính kèm)

*Lô 1: Quần áo các loại. Tổng trị giá: 11.100.000 đồng.*

*Lô 2: Kiếm, lưỡi cắt, vòi xịt,... Tổng trị giá: 22.450.000 đồng.*

*Lô 3: Ổ điện, đèn đội đầu, dây gas máy nổ,.. Tổng trị giá: 16.065.000 đồng.*

**3. Giá khởi điểm của toàn bộ tài sản bán đấu giá là: 49.615.000 đồng.**

**4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá:**

- Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản số: 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp. (Phụ lục I đính kèm)

- Ngoài ra tổ chức đấu giá nào có kinh nghiệm đấu giá lâu năm sẽ được cộng thêm 05 điểm tại mục “V-Tiêu chí khác” của bảng chấm điểm được quy định tại Thông tư số: 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp.

**5. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:**

Kể từ ngày 03/01/2023 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 05/01/2023 (Trong giờ hành chính) nếu các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu thì nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng

Tháp. Địa chỉ: Số 60, Đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

\* Lưu ý: Không hoàn lại hồ sơ đối với hồ sơ không được lựa chọn.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

**Nơi nhận:**

- Cục trưởng (b/c);
- Công TTĐT Cục;
- Niêm yết tại trụ sở Cục;
- Công TTĐTQG về ĐGTS;
- Lưu: VT, NVTH.

**KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Huệ**

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG  
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP

**BẢNG KÊ TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU XỬ LÝ BÁN ĐẤU GIÁ**

(Kèm theo thông báo số: **1154/TB-CQLTT** ngày **30** tháng **12** năm 2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp)

| STT                               | Cơ quan ban hành |                   | Quyết định xử phạt/tịch thu |                             | Tài sản                   | Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri | Nguồn gốc, xuất xứ    | Chất lượng hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá    | Thành tiền |
|-----------------------------------|------------------|-------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------|-------------|----------|------------|------------|
|                                   | Số               | Ngày tháng        |                             |                             |                           |                                   |                       |                     |             |          |            |            |
| I. LÔ QUẦN ÁO CÁC LOẠI            |                  |                   |                             |                             |                           |                                   | Tổng trị giá lô hàng: |                     |             |          | 11.100.000 |            |
| 1                                 | Đội QLTT số 2    | 49020046/QĐ-XP HC | 16/11/22                    | Bộ quần áo                  | IPI                       | Không rõ NGXX                     | Chưa qua sử dụng      | Bộ                  | 30          | 180.000  | 5.400.000  |            |
|                                   |                  |                   |                             | Váy ngắn                    | Không nhãn hiệu           | Không rõ NGXX                     | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 10          | 190.000  | 1.900.000  |            |
| 2                                 | Đội QLTT số 2    | 49020049/QĐ-XP HC | 23/11/22                    | Áo thun nam                 | ST-EST                    | Không rõ NGXX                     | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 10          | 120.000  | 1.200.000  |            |
|                                   |                  |                   |                             | Áo thun nam                 | G-SDQL                    | Không rõ NGXX                     | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 10          | 120.000  | 1.200.000  |            |
|                                   |                  |                   |                             | Áo thun nam                 | S N A P                   | Không rõ NGXX                     | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 10          | 140.000  | 1.400.000  |            |
| II. LÔ KÈM, LUỐI CÁT, VỎI XỊT,... |                  |                   |                             |                             |                           |                                   | Tổng trị giá lô hàng: |                     |             |          | 22.450.000 |            |
| 1                                 | Đội QLTT số 2    | 49020045/QĐ-XP HC | 28/10/22                    | Sơn xít                     | Red FOX, thể tích: 400 ml | Thái Lan                          | Chưa qua sử dụng      | Chai                | 5           | 40.000   | 200.000    |            |
|                                   |                  |                   |                             | Dụng cụ kẹp góc có nam châm | CENTURY, loại 13 kg       | Trung Quốc                        | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 5           | 20.000   | 100.000    |            |
|                                   |                  |                   |                             | Dụng cụ kẹp góc có nam châm | CENTURY, loại 25 kg       | Trung Quốc                        | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 5           | 30.000   | 150.000    |            |
|                                   |                  |                   |                             | Dụng cụ kẹp góc có nam châm | CENTURY, loại 35 kg       | Trung Quốc                        | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 5           | 40.000   | 200.000    |            |
|                                   |                  |                   |                             | Kềm                         | CENTURY, loại 09 inch     | Trung Quốc                        | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 5           | 90.000   | 450.000    |            |
|                                   |                  |                   |                             | Kềm                         | LICOTA                    | Đài Loan                          | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 4           | 125.000  | 500.000    |            |
|                                   |                  |                   |                             | Kềm                         | CENTURY, loại 07 inch     | Trung Quốc                        | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 4           | 80.000   | 320.000    |            |
|                                   |                  |                   |                             | Đục gỗ                      | CENTURY, loại 22 mm       | Trung Quốc                        | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 5           | 50.000   | 250.000    |            |
|                                   |                  |                   |                             | Dây thừng                   | ST                        | Nhật Bản                          | Chưa qua sử dụng      | Cái                 | 5           | 125.000  | 625.000    |            |

| STT | Cơ quan ban hành | Quyết định xử phạt/tịch thu |            | Tài sản                 | Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri | Nguồn gốc, xuất xứ | Chất lượng hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|------------------|-----------------------------|------------|-------------------------|-----------------------------------|--------------------|---------------------|-------------|----------|---------|------------|
|     |                  | Số                          | Ngày tháng |                         |                                   |                    |                     |             |          |         |            |
| 2   | Đội QLTT số 3    | 49030100/QĐ-XP HC           | 03/10/22   | Lưỡi cắt                | nhãn hiệu SooYi, loại 180 mm      | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 20       | 27.500  | 550.000    |
|     |                  |                             |            | Lưỡi cắt                | nhãn hiệu SooYi, loại 230 mm      | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 05       | 40.000  | 200.000    |
|     |                  |                             |            | Lưỡi cắt                | nhãn hiệu SooYi, loại 250 mm      | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 05       | 50.000  | 250.000    |
|     |                  |                             |            | Lưỡi cắt                | nhãn hiệu TasTo, loại 255 mm      | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 15       | 90.000  | 1.350.000  |
|     |                  |                             |            | Lưỡi cắt                | nhãn hiệu AMAX, loại 180 mm       | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 05       | 110.000 | 550.000    |
|     |                  |                             |            | Súng bơm hơi có đồng hồ | nhãn hiệu PJCASOO 25/D            | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 08       | 60.000  | 480.000    |
|     |                  |                             |            | Máy cắt cầm tay         | nhãn hiệu Runex RX-1102           | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 05       | 410.000 | 2.050.000  |
| 3   | Đội QLTT số 3    | 49030106/QĐ-XP HC           | 07/10/22   | Vòi xịt nước            | nhãn hiệu SUS 304                 | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 30       | 40.000  | 1.200.000  |
|     |                  |                             |            | Vòi xả nước             | nhãn hiệu The Vogu Continues      | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 40       | 32.500  | 1.300.000  |
|     |                  |                             |            | Súng phun sơn           | nhãn hiệu Spray Gun K3            | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Bộ          | 08       | 70.000  | 560.000    |
|     |                  |                             |            | Vòi xả nước             | nhãn hiệu Faucet 304              | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 30       | 42.500  | 1.275.000  |
|     |                  |                             |            | Súng hơi                | nhãn hiệu Kapusi                  | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 02       | 625.000 | 1.250.000  |
| 4   | Đội QLTT số 3    | 49030108/QĐ-XP HC           | 07/10/2022 | Kiểm cắt cành cây       | nhãn hiệu Top Stainless Steel     | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cây         | 05       | 125.000 | 625.000    |
|     |                  |                             |            | Ổ khóa cửa              | nhãn hiệu HGB Senior ball locks   | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Hộp         | 10       | 100.000 | 1.000.000  |
| 5   | Đội QLTT số 3    | 49030116/QĐ-XP HC           | 17/10/22   | Máy hàn                 | nhãn hiệu: JASIC ARC202E          | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 01       | 825.000 | 825.000    |
|     |                  |                             |            | Máy khoan               | nhãn hiệu: BOSCH GSB 13 RE        | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 02       | 400.000 | 800.000    |
| 6   | Đội QLTT số 3    | 49030125/QĐ-XP HC           | 02/11/22   | Súng hơi                | nhãn hiệu: Boter 2WAY             | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 08       | 85.000  | 680.000    |
|     |                  |                             |            | Bầu súng phun sơn       | nhãn hiệu: Osaka PC-4             | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 10       | 180.000 | 1.800.000  |
|     |                  |                             |            | Kẹp que hàn             | nhãn hiệu: Theoid Tiger 800A      | Không rõ NGXX      | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 05       | 185.000 | 925.000    |

| STT                                                    | Cơ quan ban hành | Quyết định xử phạt/tịch thu |            | Tài sản               | Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri | Nguồn gốc, xuất xứ           | Chất lượng hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền        |
|--------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------|------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------------|---------------------|-------------|----------|---------|-------------------|
|                                                        |                  | Số                          | Ngày tháng |                       |                                   |                              |                     |             |          |         |                   |
|                                                        |                  |                             |            | Kẹp que hàn           | nhãn hiệu: Earth Clamp 500A       | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 05       | 85.000  | 425.000           |
|                                                        |                  |                             |            | Kiểm cắt cành cây     | nhãn hiệu: BCTM                   | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 08       | 195.000 | 1.560.000         |
| <b>III. LỒ Ô ĐIỆN, ĐÈN ĐỘI ĐẦU, DÂY GAS MÁY NỔ,...</b> |                  |                             |            |                       |                                   | <b>Tổng trị giá lô hàng:</b> |                     |             |          |         | <b>16.065.000</b> |
| 1                                                      | Đội QLTT số 3    | 49030089/QĐ-XPFC            | 16/09/22   | Ô điện                | nhãn hiệu GU NIU                  | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 15       | 60.000  | 900.000           |
|                                                        |                  |                             |            | Radio                 | nhãn hiệu YQUEN                   | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 09       | 50.000  | 450.000           |
|                                                        |                  |                             |            | Máy nghe nhạc         | nhãn hiệu 2Y E-898                | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Bộ          | 01       | 275.000 | 275.000           |
| 2                                                      | Đội QLTT số 3    | 49030098/QĐ-XPFC            | 26/09/22   | Đèn pin đội đầu       | nhãn hiệu Keterangan              | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 78       | 25.000  | 1.950.000         |
| 3                                                      | Đội QLTT số 3    | 49030112/QĐ-XPFC            | 11/10/22   | Đồng hồ đo điện       | nhãn hiệu Fort FT-72              | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 20       | 100.000 | 2.000.000         |
|                                                        |                  |                             |            | Mô lết dây da         | nhãn hiệu Maxpro M40MD            | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 06       | 125.000 | 750.000           |
|                                                        |                  |                             |            | Máy đánh vảy cá       | nhãn hiệu Dian Dong Gua Yu Lin Ji | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Hộp         | 03       | 530.000 | 1.590.000         |
|                                                        |                  |                             |            | Bơm chìm              | nhãn hiệu OMAIS BL - 25           | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 05       | 200.000 | 1.000.000         |
| 4                                                      | Đội QLTT số 3    | 49030115/QĐ-XPFC            | 14/10/22   | Nệm Massage toàn thân | nhãn hiệu: Mama Care Plus         | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 01       | 600.000 | 600.000           |
|                                                        |                  |                             |            | Sợi dây ga máy nổ     | nhãn hiệu: Không có               | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Sợi         | 100      | 7.500   | 750.000           |
|                                                        |                  |                             |            | Bình xăng máy nổ      | nhãn hiệu: Không có               | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 02       | 125.000 | 250.000           |
| 5                                                      | Đội QLTT số 3    | 49030124/QĐ-XPFC            | 02/11/22   | Mắt kính mát các loại | không nhãn hiệu                   | Không rõ NGXX                | Chưa qua sử dụng    | Cái         | 15       | 370.000 | 5.550.000         |

**TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**  
**TỈNH ĐỒNG THÁP**



**PHỤ LỤC I**

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN  
CỦA CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP**

(Theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

| TT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                       | MỨC TỐI ĐA  |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>I</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                          | <b>23,0</b> |
| <b>1</b>  | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                 | <b>11,0</b> |
| 1.1       | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)                                                                                                                                                     | 6,0         |
| 1.2       | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                      | 5,0         |
| <b>2</b>  | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                       | <b>8,0</b>  |
| 2.1       | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                          | 4,0         |
| 2.2       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá                                                                                                                                     | 4,0         |
| <b>3</b>  | <b>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</b>                                                                                                                                                                                                               | <b>2,0</b>  |
| <b>4</b>  | <b>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</b>                                                                                                                                                             | <b>1,0</b>  |
| <b>5</b>  | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                            | <b>1,0</b>  |
| <b>II</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                   | <b>22,0</b> |
| <b>1</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</b>                                                                                                                               | <b>4,0</b>  |
| <b>2</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b> | <b>4,0</b>  |
| <b>3</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá</b>                                                                                                                                                                        | <b>4,0</b>  |
| <b>4</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</b>                                                                                                                   | <b>4,0</b>  |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5   | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3,0  |
| 6   | <i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3,0  |
| III | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 45,0 |
| 1   | <i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>                                                                              | 6,0  |
| 1.1 | <i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,0  |
| 1.2 | <i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0  |
| 1.3 | <i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4,0  |
| 1.4 | <i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5,0  |
| 1.5 | <i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6,0  |
| 2   | <i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i> | 18,0 |
| 2.1 | <i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 10,0 |
| 2.2 | <i>Từ 20% đến dưới 40%</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 12,0 |
| 2.3 | <i>Từ 40% đến dưới 70%</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 14,0 |
| 2.4 | <i>Từ 70% đến dưới 100%</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 16,0 |
| 2.5 | <i>Từ 100% trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 18,0 |
| 3   | <i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>                                                                                       | 5,0  |
| 3.1 | <i>Dưới 03 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3,0  |
| 3.2 | <i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4,0  |
| 3.3 | <i>Từ 05 năm trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5,0  |
| 4   | <i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3,0  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 4.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1,0 |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0 |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3,0 |
| 5   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</b> | 4,0 |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0 |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3,0 |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4,0 |
| 6   | <b>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</b>                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5,0 |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2,0 |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3,0 |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0 |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5,0 |
| 7   | <b>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</b><br><b>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3,0 |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2,0 |
| 7.2 | Từ 03 nhân viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0 |
| 8   | <b>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1,0 |
| IV  | <b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,0 |
| 1   | Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3,0 |
| 2   | Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                               | 4,0 |
| 3   | Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0 |

|              |                                                                                  |                    |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| V            | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định | 5,0                |
| Tổng số điểm |                                                                                  | 100                |
| VI           | Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố         |                    |
| 1            | Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố             | Đủ điều kiện       |
| 2            | Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố       | Không đủ điều kiện |

